

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **166/2020/DS-PT**

Ngày: 29-9-2020

*V/v tranh chấp quyền về lối đi
qua bất động sản liền kề*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Nhung;

Ông Lê Văn Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về: “*Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 155/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 240/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 271/2020/QĐPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 830/TB-TA ngày 21 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị A, sinh năm 1944.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Anh: Ông Trần Minh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Theo Giấy ủy quyền ngày 03/5/2019) - có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Trần Trọng Đ, sinh năm 1985.

- Bà Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Ông Đại có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương N: ông Phạm Quốc T1 – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phạm Quốc T1, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Trần Văn S, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Trần Thị N1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp T, phường H, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Bà Trần Thị Huỳnh M, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên: Ông Trần Minh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Theo Giấy ủy quyền ngày 11/10/2019) - có mặt.

- Ngân hàng N.

Địa chỉ: đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Văn N – Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh V (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/9/2020) – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Phương N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị A; bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử ông Trần Minh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con của bà A trình bày:*

Gia đình bà A sử dụng diện tích đất thửa số 37 tờ bản đồ số 22 xã T, huyện V từ năm 1976. Từ trước đến nay, gia đình bà muốn đi vào đất phải đi qua con đường mòn trên đất thửa 97 tờ bản đồ số 22. Năm 2007, chồng bà A là ông Trần Văn D thỏa thuận mua con đường đi diện tích ngang 03m, dài khoảng 20m của ông Phạm Trung H là chủ sử dụng đất thửa số 97 tờ bản đồ số 22 xã T với giá 500.000 đồng. Gia đình bà A mua đất của ông H vì không còn lối đi nào khác để đi ra đường ĐT 768, lúc mua đường đi hai bên chỉ làm giấy tay vì đất ông H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng khi ông H đi đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không chừa phần lối đi đã bán cho gia đình bà A mà kê khai toàn bộ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011. Đến năm 2014, ông H chuyển nhượng phần đất trên cho ông Trần Trọng Đ và bà Nguyễn Thị Phương N. Kể từ khi bà N, ông Đ nhận chuyển nhượng đất và xây nhà ở trên đất gia đình bà A vẫn sử dụng lối đi này để sinh hoạt và đi lại. Đầu năm 2019, bà N và ông Đ không đồng ý cho gia đình bà A đi nữa, xây dựng cổng rào, khóa cổng chắn lối đi làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình bà. Hiện nay, gia đình bà A không còn lối đi nào khác để đi vào thửa đất số 37 tờ bản đồ số 22. Do đó, bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N, ông Đ phải mở lối trên phần đất thuộc thửa số 97 tờ bản đồ số 22 xã T, huyện V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Trọng Đ và bà Nguyễn Thị Phương N có diện tích 78,3m² được giới hạn bởi các điểm a,6,e,7,8,9,10,11,b,a theo Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 2554/2019 ngày 28/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh V. Bà A đồng ý thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Đ và bà N theo giá trị tài sản đã thẩm định giá.

Ngoài yêu cầu khởi kiện trên, bà A còn yêu cầu khởi kiện về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn D và ông Phạm Trung H. Tuy nhiên, Tòa án đã tách ra để giải quyết riêng bằng vụ án khác theo yêu cầu của bà A. Quá trình giải quyết, bà A rút yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận và đã đình chỉ giải quyết vụ án nên không có ý kiến trong vụ án này.

Đối với chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản nguyên đơn tự nguyện chịu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo các bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn trình bày:*

Năm 2014, vợ chồng ông Trần Trọng Đ và bà Nguyễn Thị Phương N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phạm Trung H. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 97 tờ bản đồ số 22 xã T, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng, chứng thực theo đúng quy định và đã sang tên cho ông Đ, bà N. Lúc nhận chuyển nhượng, trên đất có lối mòn gia đình bà A sử dụng làm đường đi nhưng nằm trong phần đất ông H chuyển nhượng cho ông Đ, bà N. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu mở lối đi ngang 3m dài khoảng 20m qua đất của bị đơn. Bị đơn đồng ý mở lối đi khác ngang 2m “đi theo hình chữ L” có diện tích 85,1m², giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,a,6,e,d,c,1) theo Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 2554/2019 ngày 28/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh V qua phần đất của bị đơn và nguyên đơn phải thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất theo thẩm định. Hoặc nguyên đơn phải hoán đổi đất sử dụng thì mới đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu nên bị đơn không có ý kiến.

** Tại các bản tự khai, quá trình xét xử người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Phương N và ông Trần Trọng Đ ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam vay số tiền 500.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng hai bên đã ký hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 97 tờ bản đồ số 22 xã T, huyện V. Việc thế chấp được thực hiện theo đúng quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh V. Hiện nay, khoản nợ vẫn chưa đến hạn, phía ngân hàng không có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 245, 254, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị A về “Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề”.

1.1. Buộc bị đơn ông Trần Trọng Đ, bà Nguyễn Thị Phương N phải có nghĩa vụ mở cho bà Lê Thị A một lối đi có diện tích 78,3m² đất thuộc một phần thửa đất số 97 tờ bản đồ số 22 xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, được giới hạn bởi các điểm (a,6,e,7,8,9,10,11,b,a), theo Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số

2554/2019 ngày 28/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh V.

1.2. Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 78,3m² nêu trên cho bà Lê Thị A.

1.3. Buộc ông Trần Trọng Đ, bà Nguyễn Thị Phương N phải tháo gỡ toàn bộ tài sản trên phần diện tích lối đi 78,3m² bao gồm tường rào và cổng sắt để bà Lê Thị A làm lối đi ra đường công cộng.

1.4. Bà Lê Thị A phải có nghĩa vụ đền bù cho ông Trần Trọng Đ, bà Nguyễn Thị Phương N giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số tiền 204.452.000 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng).

1.5. Các đương sự phải có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để thực hiện việc đăng ký, kê khai, điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định.

Ngày 31/01/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Phương N kháng cáo cho rằng quyết định của bản án sơ thẩm gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: tại phiên tòa, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp, nội dung thỏa thuận phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Phương N gửi đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Ông Trần Trọng Đ và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Phương N vắng mặt nhưng bà N đồng ý xét xử vắng mặt nên

Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con của nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị Phương N thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp như sau:

- Ông Trần Trọng Đ và bà Nguyễn Thị Phương N có nghĩa vụ mở lối đi cho bà Lê Thị A có diện tích 78,3m² đất thuộc một phần thửa đất số 97 tờ bản đồ số 22 xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Lối đi được giới hạn bởi các điểm (a,6,e,7,8,9,10,11,b,a) theo Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 2554/2019 ngày 28/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh V.

- Bà Lê Thị A được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất mở lối đi; được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản xây dựng trên lối đi gồm:

- + 01 cái cổng có kết cấu: trụ cổng xây gạch 40 x 40 (cm), tô trát, cao 2,6m; khung song sắt 2 cánh, kích thước 2,4 x 2,1 (m).

- + 01 tường rào có kết cấu: móng đá, trụ bê tông đúc sẵn cao 2,5m, tường xây gạch block cao 1,1m, trên rào lưới B40 cao 1,2m.

- Bà Lê Thị A có nghĩa vụ đền bù cho ông Trần Trọng Đ và bà Nguyễn Thị Phương N giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mở lối đi nêu trên số tiền 370.000.000 đồng. Bà A đã giao đủ tiền cho ông Đ và bà N.

- Bà Lê Thị A, ông Trần Trọng Đ và bà Nguyễn Thị Phương N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để thực hiện việc đăng ký, kê khai để được điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình theo quyết định của bản án.

Tại đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Trần Trọng Đ đề nghị Tòa án giải quyết công nhận theo sự thỏa thuận giữa vợ ông là bà N với đại diện nguyên đơn tại phiên tòa. Xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, nội dung thỏa thuận không ảnh hưởng đến việc xử lý nợ của Ngân hàng N, phù hợp với quy định pháp luật nên cần công nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá trong quá trình giải quyết vụ án là 14.700.000 đồng, trong đó nguyên đơn nộp là 11.100.000 đồng, bị đơn nộp là 3.600.000 đồng. Nguyên đơn đã thanh toán lại cho bị đơn chi phí tố tụng đã nộp và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng vụ án nên ghi nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: các bên thỏa thuận mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ án phí tương ứng số tiền 9.250.000 đồng, nguyên đơn chịu thay $\frac{1}{2}$ án phí phần bị đơn phải chịu. Nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn đề nghị nên được miễn án phí phần mình phải chịu là 9.250.000 đồng. Như vậy, bà A phải nộp 4.625.000 đồng, ông Đ và bà N phải nộp 4.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: bà N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sửa bản án sơ thẩm do đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Áp dụng các Điều 245, 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Ông Trần Trọng Đ và bà Nguyễn Thị Phương N có nghĩa vụ mở lối đi cho bà Lê Thị A có diện tích 78,3m² đất thuộc một phần thửa đất số 97, tờ bản đồ số 22 xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Lối đi được giới hạn bởi các điểm (a,6,e,7,8,9,10,11,b,a) theo Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 2554/2019 ngày 28/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh V.

- Bà Lê Thị A được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất mở lối đi; được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản xây dựng trên lối đi gồm:

+ 01 cái cổng có kết cấu: trụ cổng xây gạch 40 x 40 (cm), tô trát, cao 2,6m; khung song sắt 2 cánh, kích thước 2,4 x 2,1 (m).

+ 01 tường rào có kết cấu: móng đá, trụ bê tông đúc sẵn cao 2,5m, tường xây gạch block cao 1,1m, trên rào lưới B40 cao 1,2m.

- Bà Lê Thị A có nghĩa vụ đền bù cho ông Trần Trọng Đ và bà Nguyễn Thị Phương N giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mở lối đi nêu trên số tiền 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Bà A đã giao đủ tiền cho ông Đ và bà N.

- Bà Lê Thị A, ông Trần Trọng Đ và bà Nguyễn Thị Phương N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để thực hiện việc

đăng ký, kê khai để được điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình theo quyết định của bản án.

2. Về chi phí tố tụng: bà Lê Thị A tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 14.700.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng). Bà A đã nộp đủ.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lê Thị A được miễn án phí dân sự sơ thẩm phần bà A phải chịu với số tiền là 9.250.000 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bà Lê Thị A tự nguyện chịu thay $\frac{1}{2}$ phần án phí ông Trần Trọng Đ và bà Nguyễn Thị Phương N phải chịu nên bà A phải nộp 4.625.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), ông Đ và bà N phải nộp 4.625.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Phương N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002363 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Bà N đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Vĩnh Cửu;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Hưng